

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGÔ THỊ MINH NGUYỆT*

Tóm tắt: Trong kho tàng di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm về ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một bộ phận quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những chủ trương, chính sách ưu tiên, tương trợ, giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số trong việc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Dưới ánh sáng tư tưởng của Người, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chăm lo phát triển vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Đặc biệt, trong quá trình đổi mới (từ năm 1986 đến nay), Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho đồng bào các dân tộc để kinh tế miền núi theo kịp miền xuôi, làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số được hưởng ngày càng đầy đủ hơn những quyền lợi về chính trị, kinh tế, văn hóa.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển, kinh tế, văn hóa - xã hội, dân tộc thiểu số.

1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về ưu tiên ● phát triển vùng dân tộc thiểu số

Trong các tác phẩm, bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1941 đến năm 1969 có đến 64 tài liệu của Người đề cập đến mối quan hệ giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, trong đó, để gọi các dân tộc trong nước, Người dùng các thuật ngữ: Dân tộc đa số, dân tộc thiểu số, đồng bào thượng du, anh em thiểu số,

anh chị em các dân tộc, đồng bào các dân tộc... trong đó dân tộc đa số là dân tộc Kinh chiếm hơn 80% dân số của cả nước, các dân tộc còn lại được gọi là dân tộc thiểu số.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, đồng bào dân tộc thiểu số là một bộ phận của cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam thống nhất, đã gắn bó keo sơn trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc

* Thạc sĩ, Trường Đại học Thương mại.

thiếu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”¹. Mục đích của việc thực hiện chính sách ưu tiên phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm khắc phục tình trạng kém phát triển, bảo đảm đồng bào được hưởng thụ ngày càng đầy đủ hơn các quyền lợi về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Người nhấn mạnh: “Về số người thì đồng bào miền núi chiếm 1 phần 5 tổng số nhân dân nước ta. Miền núi chiếm 2 phần 3 tổng số diện tích nước ta, và có hơn 3.000 cây số biên giới. Tục ngữ ta có câu “Rừng vàng, biển bạc”, câu đó rất đúng. Miền núi có tài nguyên rất phong phú, có nhiều khả năng để mở mang nông nghiệp và công nghiệp. Những điểm đó nói rõ rằng miền núi có một địa vị cực kỳ quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng của cả nước ta”².

Trong bài nói chuyện với đồng bào dân tộc tỉnh Tuyên Quang ngày 27 tháng 3 năm 1961, Người nhắc nhở: “Ngày nay, đồng bào rẻo cao được tự do bình đẳng, không bị áp bức bóc lột như trước kia. Nhưng đời sống vật chất và văn hóa chưa được nâng cao mấy. Đó là vì cán bộ lãnh đạo không chú ý đầy đủ đến đồng bào rẻo cao. Bác thay mặt Trung ương và Chính phủ giao cho cán bộ từ tỉnh đến xã phải ra sức giúp đỡ hơn nữa đồng bào rẻo cao về mọi mặt”³. Xuất phát từ thực trạng miền núi có nhiều khó khăn có mức sống kinh tế, văn hóa, xã hội thấp hơn nhiều so với đồng bào miền xuôi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương ưu tiên phát triển miền núi về mọi mặt để thực hiện việc bình đẳng dân tộc, đưa miền núi từng bước tiến kịp miền xuôi. Không chỉ dừng lại ở những chủ trương chung mà trong từng thời điểm, từng nơi, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có những chính sách hết sức cụ thể trong từng lĩnh vực, có những chỉ đạo sát sao đối với từng việc, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

Ưu tiên phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo Đảng, Nhà nước phải có chủ trương, chính sách ưu tiên, tương trợ, giúp đỡ các dân tộc thiểu số trong việc phát triển kinh tế, để kinh tế miền núi theo kịp miền xuôi, làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số được hưởng ngày càng đầy đủ hơn những quyền lợi về chính trị, kinh tế, văn hóa.

Ngày 3 tháng 12 năm 1945, tại Hội nghị các dân tộc thiểu số Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nước Việt Nam ngày nay được độc lập, các dân tộc thiểu số được bình đẳng cùng dân tộc Việt Nam, tất cả đều như anh em một nhà”, Người khẳng định: “Chính phủ sẽ gắng sức giúp cho các dân tộc thiểu số về mọi mặt”⁴. Sau khi chỉ ra thế mạnh của miền núi về đất đai, cây trồng, về khả năng chăn nuôi đại gia súc, về tài nguyên khoáng sản, Người xác định miền núi phải ưu tiên phát triển nông nghiệp để đảm bảo đủ cái ăn, cái mặc, đủ nhà ở cho nhân dân; lấy nông nghiệp là cơ sở để tạo tiền đề cho công nghiệp hoá đất nước, bởi vì nông nghiệp là con đường cốt yếu có thể đáp ứng và thoả mãn các nhu cầu đó một

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, tr. 249.

cách nhanh nhất, thiết thực nhất: “Miền núi và trung du của miền Bắc nước ta là một khu vực rất quan trọng cả về công nghiệp và nông nghiệp. Chúng ta phải làm cho miền núi và trung du thành một nơi giàu có về nông nghiệp để nâng cao hơn nữa đời sống của nhân dân, để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà”⁵.

Để phát triển nông nghiệp, Hồ Chí Minh chủ trương phát triển thủy lợi, mở mang đường sá giao thông. Trong bài nói tại Hội nghị tuyên giáo miền núi ngày 31 tháng 8 năm 1963, Người nhắc nhở: “Về giao thông ở miền núi, đường sá còn rất kém. Cố nhiên đắp đường lớn là do Trung ương phụ trách, Bộ Giao thông chịu trách nhiệm. Nhưng địa phương có thể làm những đường nhỏ. Làng này qua làng khác, thì *xã tự động làm*. Nhiều xã đã làm tốt. Nên làm cho đồng bào thấy rõ lợi ích của việc làm thêm đường sá, tuyên truyền giải thích cho khéo, thì đồng bào tự làm và làm tốt”⁶.

Nhằm phát triển kinh tế miền núi, vùng dân tộc thiểu số, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm phát triển nông nghiệp mà còn chủ trương phát triển lâm nghiệp, khai thác lâm thổ sản, trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng và dựa vào đặc điểm, tình hình, tiềm năng của từng địa phương miền núi mà phát triển thêm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, làm cho đời sống đồng bào địa phương khá hơn cả về vật chất và tinh thần. Theo Người, đi lên chủ nghĩa xã hội phải đi bằng hai chân, công nghiệp và nông nghiệp. Song miền núi là nơi có diện tích rừng chiếm tỷ lệ rất lớn với nhiều tiềm năng, bởi vậy phải đi lên trước hết bằng thế

lực của mình: Phát triển lâm nghiệp, coi đây là khâu đột phá, tạo điều kiện, tiền đề cho công nghiệp hóa miền núi. Người cũng luôn căn dặn đồng bào các dân tộc thiểu số: “Các cô, các chú cần hết sức chú ý vấn đề *bảo vệ rừng*. Nếu cứ để tình trạng đồng bào phá một ít, nông trường phá một ít, công trường phá một ít, thậm chí đoàn thám dò địa chất cũng phá một ít, thì rất tai hại. Phá rừng thì dễ, nhưng gây lại rừng thì phải mất hàng chục năm. Phá rừng nhiều như vậy sẽ ảnh hưởng đến khí hậu, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống rất nhiều”⁷.

Ưu tiên phát triển văn hoá - xã hội

Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã thấy rõ vị trí, vai trò quan trọng của văn hóa - xã hội trong đời sống. Cùng với ưu tiên phát triển kinh tế, Người đặc biệt quan tâm đến việc giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số xây dựng đời sống văn hoá mới. Người chỉ đạo cán bộ trong quá trình thực hiện cũng phải cải tạo và xây dựng dần dần, phải tính đến yếu tố tập quán lâu đời ăn sâu vào cuộc sống của đồng bào từ bao đời nay, không được nóng vội. Công tác xây dựng đời sống mới ở vùng các dân tộc thiểu số được đặt ra một cách cấp bách nhưng là một quá trình mang tính liên tục, lâu dài và cán bộ cơ sở phải có tinh thần trách nhiệm cao. Theo Hồ Chí Minh: Muốn cải tạo phong tục tập quán được tốt, thì tuyên huấn phải làm, mà phải làm bền bỉ liên tục, làm dần dần, chứ không thể chủ quan nóng vội, muốn làm hết ngay một lúc.

Trong phát triển văn hóa - xã hội cho đồng bào các dân tộc thiểu số, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý tới tâm lý,

phong tục, tập quán, tiếng nói của đồng bào các dân tộc. Người cho rằng tâm lý, phong tục, tập quán thì đồng bào miền núi có khác đồng bào miền xuôi, song khả năng ở đồng bào thiểu số thì thật to lớn, cái gì miền xuôi làm được thì miền ngược này cũng làm được. Để mở mang dân trí; củng cố, phát triển văn hóa các dân tộc, Người yêu cầu cán bộ tham gia công tác vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải hiểu đồng bào, muốn vậy phải học tiếng nói của đồng bào, Người dạy: “Nước ta có nhiều dân tộc, đây là điểm tốt. Mỗi dân tộc có một tiếng nói riêng, có khi hai dân tộc một tiếng nói. Cán bộ đi làm việc chỗ nào, *phải học tiếng ở đấy*”⁸.

Nhằm rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh ưu tiên đến giáo dục, Người đặt ra “NHA DÂN TỘC THIỂU SỐ để săn sóc cho tất cả các đồng bào”⁹. Người đặc biệt quan tâm chỉ đạo sự nghiệp giáo dục miền núi, phát triển bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ cho đồng bào các dân tộc, khôi phục và xây dựng hệ thống chữ viết cho các dân tộc như chữ Thái, chữ Tày, chữ Nùng, chữ H'Mông... Chú ý xây dựng thêm trường, lớp học, đào tạo thầy cô giáo, nhất là các thầy cô giáo thuộc các dân tộc ít người; phát triển trường thanh niên xã hội chủ nghĩa vừa học, vừa làm để đào tạo cán bộ cho miền núi. Người thường xuyên nhắc nhở, phát động các phong trào vận động trí thức, giáo viên từ miền xuôi tình nguyện lên mở mang dân trí miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhờ chính sách ưu tiên về giáo dục, trình độ dân trí, công cuộc phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số

đã có nhiều tiến bộ, tạo ra các thể hệ trí thức cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang đầu tiên làm nền tảng cho toàn bộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số.

Trên *linh vực y tế*, để giữ gìn và nâng cao sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra những vấn đề mà Đảng và Nhà nước phải quan tâm giúp đỡ đồng bào, Người cho rằng: Trong kháng chiến, ở những vùng có bộ đội, có cơ quan của ta ở thì ta giúp đỡ nhân dân chữa bệnh để họ đỡ cúng bái. Bây giờ có nhiều bệnh viện, bệnh xá, ở biên giới có các đồng chí công an vũ trang cũng giúp dân chữa bệnh rất tốt. Người nhắc nhở phải chú ý đến việc phòng, khám chữa bệnh cho đồng bào bằng cách phát triển mạng lưới y tế, đào tạo cán bộ y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền, giáo dục vận động đồng bào xây dựng đời sống văn hóa mới, tạo ra một phong trào thể dục vệ sinh, chú trọng củng cố và phát triển thêm các trạm y tế và nơi đỡ đỡ ở xã, làm cho đồng bào hiểu rõ phải giữ gìn vệ sinh, ăn sạch, uống sạch, mặc sạch, ở sạch thì mới có sức khỏe, sức càng khoẻ thì lao động sản xuất càng tốt.

Như vậy, ưu tiên phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số về kinh tế, văn hóa - xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất toàn diện. Xuất phát từ tình cảm yêu thương vô hạn của vị lãnh tụ đối với dân tộc, sự gắn bó mật thiết với đồng bào dân tộc thiểu số trong những năm tháng hoạt động cách mạng ở Việt Bắc và nhân quan của một nhà lãnh đạo mácxít chân chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có cái nhìn sáng suốt trong xử lý vấn đề dân

tộc nói chung và đặt nền móng vững chắc cho việc giải quyết vấn đề các dân tộc thiểu số trong một quốc gia đa dân tộc vừa thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân nói riêng.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội vùng dân tộc thiểu số đã trở thành kim chỉ nam, là cơ sở định hướng cho Đảng ta để ra chính sách dân tộc và miền núi nhằm phát triển toàn diện kinh tế - xã hội miền núi, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa các dân tộc ngày càng bền chặt, tạo nên sức mạnh tổng hợp, to lớn của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước luôn nhận thức ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nhiệm vụ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong chính sách dân tộc. Đảng, Nhà nước đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật dành cho vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến nay, Đảng cộng sản Việt Nam ta đã khởi xướng, lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Trong thời kỳ này, Đảng đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng về phát triển vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi: Nghị quyết 22/NQ-TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về “Một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi”, đặt nền tảng cho quá trình đổi mới chính sách dân tộc của nước ta. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác dân tộc. Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương có một nghị quyết chuyên đề về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam. Nghị quyết này đã được Bộ Chính trị khóa XII quyết định tiếp tục thực hiện trong tình hình mới trong Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019. Cùng với các nghị quyết chuyên đề, nhiều nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và Hội nghị Trung ương đã đề cập đến công tác dân tộc trong tình hình mới nhằm khắc phục những yếu kém, bất cập trong chủ trương và thực hiện chính sách trong thực tiễn cuộc sống, cố gắng nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Những quyết sách của Đảng đã có hiệu quả rõ rệt đến đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh các nghị quyết của Đảng, Chính phủ cũng ban hành các nghị định, quyết định về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ngày 14/01/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số

05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc, Quyết định số 449/2013/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 và Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Công tác dân tộc đến năm 2020. Từ năm 2016 đến nay, Chính phủ đã ban hành khá đầy đủ, hệ thống chính sách dân tộc với 41 văn bản để cập đến việc ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi với tinh thần các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất hàng hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, thực hiện công bằng giữa các dân tộc, đặc biệt quan tâm vùng khó khăn, biên giới, căn cứ cách mạng, tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số, động viên phát huy những người có uy tín đối với đồng bào dân tộc ở các địa phương...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, công tác phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần làm thay đổi diện mạo của đất nước. Báo cáo đánh giá kết quả 3 năm thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội được trình bày tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã khẳng định: Sau ba năm thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển

kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi (giai đoạn 2016 - 2018), các tỉnh vùng dân tộc thiểu số, miền núi đã có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, bình quân các tỉnh vùng Tây Bắc tăng 8,4%, các tỉnh vùng Tây Nguyên tăng 8,1%, các tỉnh vùng Tây Nam Bộ tăng 7,3%; cơ cấu kinh tế vùng dân tộc thiểu số, miền núi chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ nhưng chủ yếu vẫn là làm nông - lâm nghiệp. Bước đầu hình thành vùng sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hóa: Cà phê, chè, cao su, tiêu, cây dược liệu, cây lấy gỗ và sản phẩm ngoài gỗ... Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào trong những năm qua được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn giảm từ 3-4%, có nơi giảm 5%. Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số. Hiện nay 100% xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi có trường trung học cơ sở, trường tiểu học, hầu hết các xã có trường, lớp học mầm non. Công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số đã chuyển biến tích cực, từ năm 2016 đến 2018, đã cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho 20.705 triệu lượt đồng bào dân tộc thiểu số, nỗ lực triển khai thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết ở 22 tỉnh vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được chú

trọng; thông tin tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số và miền núi phát triển nhanh, cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc của nhân dân¹⁰.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, song tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi còn tồn tại những hạn chế, bất cập như đồng bào các dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; những địa phương nghèo thường nhận hỗ trợ ngân sách từ Trung ương, khó có thể lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chính sách dân tộc; một số vấn đề bức xúc trong đồng bào dân tộc thiểu số như di cư tự phát, thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt... giải quyết chưa hiệu quả. Thu nhập bình quân của hộ đồng bào dân tộc thiểu số nhiều nơi chỉ bằng 40-50% bình quân thu nhập trong khu vực; tỷ lệ dân số dân tộc thiểu số chiếm 14,6% nhưng tỷ lệ hộ nghèo chiếm 52,7% số hộ nghèo của cả nước. Bên cạnh đó, nền văn hoá truyền thống có nguy cơ bị mai một, suy giảm do sự tấn công của mặt trái cơ chế thị trường, sự thâm nhập của tôn giáo có nguồn gốc từ nước ngoài. Các tệ nạn xã hội đang có nguy cơ thâm nhập vào đời sống khởi cư dân bản địa, làm suy giảm những truyền thống tốt đẹp đã tồn tại hàng ngàn đời nay trong đời sống đồng bào dân tộc thiểu số. Chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp và chưa đồng đều giữa các vùng. Cơ sở vật chất đầu tư cho giáo dục đã được cải thiện nhờ việc thực hiện các chương trình dự án và lồng ghép

các chương trình quốc gia nhưng chất lượng đầu tư còn dàn trải, manh mún và chất lượng chưa cao. Công tác dạy và học bằng tiếng của các dân tộc thiểu số cho học sinh dân tộc thiểu số đã triển khai nhưng mới chỉ dừng lại ở một số vùng, địa phương... Ngoài ra, mạng lưới y tế trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hết sức hạn chế do điều kiện kinh tế, trình độ dân trí và cả những tập tục lạc hậu vốn tồn tại lâu đời cùng với nền văn hoá truyền thống, đau ốm không đi đến cơ sở y tế để khám chữa bệnh mà vẫn còn tin ở việc cúng bái. Công tác truyền thông y tế còn hạn chế, chất lượng y tế còn thấp, công tác phòng chống dịch bệnh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm và hiệu quả chưa cao.

Để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong thời gian tới, ngày 18/11/2019, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 với tỉ lệ 89,44% đại biểu quốc hội tham dự tán thành. Theo đó, mục tiêu tổng quát của Đề án là khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống thu nhập so với bình quân chung của cả nước; giảm dân số xã, thôn đặc biệt khó khăn. Đồng thời, quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát

triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Để án đặt ra các mục tiêu cụ thể như đến năm 2025, phấn đấu mức thu nhập bình quân của đồng bào dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020; tỉ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm giảm trên 3% và có 50% số lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của đồng bào dân tộc thiểu số; định hướng đến năm 2030, thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; giảm hộ nghèo xuống dưới 10%; cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới...

Ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành kim chỉ nam định hướng cho Đảng để ra những chính sách dân tộc và miền núi nhằm phát triển toàn diện kinh tế - xã hội miền núi. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành, thực hiện nhất quán những nhiệm vụ về vấn đề dân tộc, đáp ứng sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Kim Dung, *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và miền núi vào hiện thực chính sách dân tộc hiện nay*, Tạp chí Lịch sử Đảng, 2003.
2. Bé Viết Đăng (chủ biên), *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
3. Lê Thị Hoan, *Quan điểm Hồ Chí Minh về ưu tiên phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và sự vận dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum hiện nay*, Luận văn thạc sỹ Hồ Chí Minh học, Hà Nội, 2013.
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 13*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 14*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
7. Nguyễn Văn Nghĩa, *Đánh giá kết quả 3 năm thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi (giai đoạn 2016 - 2018)*, 2018, <http://bandantoc.thainguyen.gov.vn>
8. Diệu Phạm, *Quốc hội thông qua Đề án tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*, 2019, <http://www.bienphong.com.vn>